

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính mới ban hành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục:

- **86 (Tám mươi sáu)** thủ tục hành chính mới ban hành trong các lĩnh vực trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long. Trong đó 72 thủ tục cấp tỉnh, 14 thủ tục cấp xã.

- **24 (Hai mươi bốn)** thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long. Trong đó: cấp tỉnh, cấp xã 01 thủ tục; cấp tỉnh 23 thủ tục.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Điều 2. Phê duyệt 110 (Một trăm linh tám) quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

- Phê duyệt mới **86 (Tám mươi sáu)** quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính. Trong đó: Cấp tỉnh: 72 quy trình nội bộ; Cấp xã: 14 quy trình nội bộ.

- Phê duyệt sửa đổi, bổ sung **24 (Hai mươi bốn)** quy trình nội bộ. Trong đó cấp tỉnh và cấp xã 01 quy trình, cấp tỉnh 23 quy trình nội bộ đã được phê duyệt tại các quyết định: Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 16/5/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công bố thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Cụm công nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 17/3/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 3. Bãi bỏ 16 (Mười sáu) danh mục thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đã được công bố tại các Quyết định: Quyết định số 2778/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công bố thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Cụm công nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 1417/QĐ-UBND ngày 24/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Vĩnh Long *(Chi tiết Phụ lục III kèm theo)*.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật công khai đầy đủ danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

2. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường niêm yết công khai đầy đủ danh mục tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

3. Giao Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ cách thức thực hiện của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

4. Giao Giám đốc Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng quy trình nội bộ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và xây dựng quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- UBND tỉnh: Bến Tre, Trà Vinh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Phòng KT-NV;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

CHỦ TỊCH

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH VĨNH LONG

(Kèm theo Quyết định số 1289/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
CẤP TỈNH						
I	LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU					
1	1.013778. H61	Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		
2	1.013779. H61	Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
II	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM					
3	1.013780.	Nhuận bán,	15 ngày kể	Nộp hồ sơ trực tiếp	Không quy định	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	H61	xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại
4	2.000591.000.00.00.H61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định (cắt giảm 10 ngày làm việc so với Quyết định số			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		lý an toàn thực phẩm thực hiện	739/QĐ-BCT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công thương)			
5	2.000535.00.00.00.H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	a) Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ. b) Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh hoặc khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực Trong thời gian 15 ngày làm việc (không tính thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ) (cắt giảm 10 ngày làm việc so với Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công thương). c) Trường hợp cơ sở thay đổi tên			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất; mặt hàng kinh doanh Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ. d) Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			doanh Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp lại hợp lệ.			
III	LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG					
6	2.000140. H61	Cấp chứng chỉ kiểm định viên	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ:	Không quy định	- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến các điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				https://dichvucong.gov.vn)		- Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương, - Thông tư số 37/2018/TT-BCT ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương. - Thông tư số 18/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						điều của các Thông tư quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại
7	2.000066. H61	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công	Không quy định	- Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động, - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến các điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động -

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		Thương binh và Xã hội. - Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; - Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương, - Thông tư số 37/2018/TT-BCT ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về quản lý an toàn và kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương. - Thông tư số 18/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của các Thông tư quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại
IV	LĨNH VỰC HÓA CHẤT					
8	1.003820. H61	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			cần).	sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		mại. - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất
9	1.003775. H61	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Phí thẩm định; 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
10	2.001585. H61	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Phí thẩm định; 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất
11	1.003724. H61	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (16 (mười sáu)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định: 1.200.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất,

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất
12	2.001722. H61	Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền,

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất
13	1.004031. H61	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Phí thẩm định: 600.000 đồng	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				gov.vn)		động hóa chất
14	2.000431. H61	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
15	2.000257. H61	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành		- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hợp lệ	chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
16	1.012429. H61	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh		- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
17	1.012430. H61	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
18	1.012431.	Cấp gia hạn	05 (năm)	Nộp hồ sơ trực tiếp		- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	H61	Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại
19	1.012432. H61	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C,		- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		- Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
20	1.012433. H61	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công		- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		
21	1.012434. H61	Cấp Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
22	1.012438. H61	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung		- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hợp lệ (16 (mười sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
23	1.012439. H61	Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh		- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền,

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
24	1.012440. H61	Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3	21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (16 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
25	1.012441. H61	Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (16 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
26	1.012442. H61	Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa		- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
27	1.012443. H61	Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	21 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (16 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và 5 ngày xin ý kiến (nếu cần).	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên		- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007; - Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		
V	LĨNH VỰC CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA					
28	2.000604. H61	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	+ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; + Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; + Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; + Nghị định số 154/2018/NĐ-CP

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; + Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
29	2.001675. H61	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại + Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; + Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; + Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; + Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; + Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; + Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
30	2.001665. H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa	Không quy định	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại + Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; + Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; + Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007 và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; + Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện kinh doanh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; + Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành; + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; + Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương.
VI	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ					
31	1.003390. H61	Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa	Không quy định	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
32	1.000880. H61	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên	Không quy định	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày ngày 16 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		
33	2.000243. H61	Thông báo website thương mại điện tử bán hàng	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; - Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
VII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP					
34	2.001573.	Chấm dứt hoạt	10 ngày làm	Nộp hồ sơ trực tiếp	Không quy định	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	H61	động bán hàng đa cấp	việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
35	1.003705. H61	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa	Không quy định	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
36	2.000324. H61	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	15 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên	Không quy định	- Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; - Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
VIII	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ					
37	2.001424. H61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG.	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Thương nhân.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	<i>*Doanh nghiệp, tổ chức:</i> + Địa bàn phường: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Địa bàn xã: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
38	1.000491. H61	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	không quy định	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại - Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
39	1.000510. H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không quy định	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
40	1.005184. H61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	<i>*Doanh nghiệp, tổ chức:</i> + Địa bàn phường: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Địa bàn xã: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
41	1.000649. H61	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung	Không quy định	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		xuất khẩu, nhập khẩu LNG.	lệ.	tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại
42	1.005372. H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG.	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh	Không quy định	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại
43	1.000706. H61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	<i>*Doanh nghiệp, tổ chức:</i> + Địa bàn phường: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Địa bàn xã: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
44	2.000146. H61	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
45	1.000387. H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG.	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa	Không quy định	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
IX	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC					
46	1.003977. H61	Cấp Giấy phép phân phối rượu.	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của Thương nhân.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ	<i>*Doanh nghiệp, tổ chức:</i> + Địa bàn phường: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Địa bàn xã: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2017. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại
47	1.005376. H61	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu.	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh rượu, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2017. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại
48	1.003101. H61	Cấp lại Giấy phép phân phối	07 ngày làm việc kể từ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua	Không quy định	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		rượu.	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		Chính phủ quy định về kinh doanh rượu, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2017. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại
X	LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI					
49	2.000026. H61	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C,	Không quy định	- Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại. - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		Nghị định số 81/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại
50	2.000133. H61	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công	Không quy định	- Luật Thương mại; - Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại. - Nghị định số 128/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		vực công nghiệp và thương mại
XI	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM					
51	1.000376. H61	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 sửa đổi,

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.
52	1.000361. H61	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công	Không quy định	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.
53	2.000129. H61	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái	Không quy định	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.
54	1.000358. H61	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính	Không quy định	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	đủ hồ sơ hợp lệ.	công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						cấp dịch vụ nước ngoài.
55	1.000168. H61	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại. - Thông tư số 11/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2016 quy định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài.
XIII LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU						
56	1.001419. H61	Thủ tục cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ:	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				https://dichvucong.gov.vn)		
57	1.000350. H61	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.
58	1.005405.	Cấp lại, sửa đổi,	15 ngày làm	Nộp hồ sơ trực tiếp	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	H61	bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam	việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.
59	1.005406. H61	Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam		chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết về việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.
60	1.003438. H61	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng,	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		an ninh)		Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
61	1.001062. H61	Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ:	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				https://dichvucong.gov.vn)		định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
62	1.000957. H61	Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền,

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
63	1.000905. H61	Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
64	1.000890. H61	Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
65	1.004155. H61	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh	14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định, cơ quan cấp phép tiến hành kiểm tra, xác nhận điều kiện kho, bãi. Trong thời	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra, xác nhận điều kiện kho, bãi, cơ quan cấp phép xem xét cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh cho doanh nghiệp			chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
66	1.004181. H61	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
67	2.001758. H61	Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
68	1.000551. H61	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Thông tư số 08/2023/TT-BCT ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương.
69	1.000477. H61	Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên	Không quy định	- Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; - Thông tư số 12/2018/TT-BCT

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.
XIV	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG					
70	1.004021. H61	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ:	Phí thẩm định; 4.500.000 đồng	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại - Thông tư số 299/2016/TT-BTC

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				https://dichvucong.gov.vn)		ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.
71	1.003992.H61	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Phí thẩm định; 4.500.000 đồng	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.
72	1.004007.H61	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Phí thẩm định; 4.500.000 đồng	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp giấy phép sản xuất rượu, giấy phép sản xuất thuốc lá.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
B. CẤP XÃ						
I	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ					
1	2.001283.0 00.00.00.H 61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai.	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Phí thẩm định: * <i>Doanh nghiệp, tổ chức:</i> + Địa bàn phường : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. +Địa bàn xã : 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. * <i>Hộ kinh doanh, cá nhân:</i> + Địa bàn phường : 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. +Địa bàn xã: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					định.	vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
2	2.001270.00.00.00.H61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai.	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
3	2.001261.00.00.00.H61	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện của hàng bán lẻ LPG chai.	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành	Phí thẩm định: * <i>Doanh nghiệp, tổ chức:</i> + Địa bàn phường :	- Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí. - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. +Địa bàn xã : 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. * Hộ kinh doanh, cá nhân: + Địa bàn phường : 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. +Địa bàn xã: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
II	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC					
4	2.000633.000.00.00.H 61	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		mục đích kinh doanh.	từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của thương nhân.	công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		- Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.
5	1.001279.000.00.00.H61	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.
6	2.000629.000.00.00.H 61	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Phí thẩm định: 1.100.000 đồng/cơ sở/lần	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh để cấp Giấy phép sản xuất rượu, Giấy phép sản xuất thuốc lá.
7	2.000620.0 00.00.00.H 61	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của thương nhân.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Phí thẩm định: * <i>Doanh nghiệp, tổ chức:</i> + Địa bàn phường : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Địa bàn xã : 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. * <i>Hộ kinh doanh, cá nhân:</i> + Địa bàn phường : 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					định. +Địa bàn xã: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
8	2.001240.0 00.00.00.H 61	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Phí thẩm định: * <i>Doanh nghiệp, tổ chức:</i> + Địa bàn phường : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. +Địa bàn xã : 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. * <i>Hộ kinh doanh, cá nhân:</i> + Địa bàn phường : 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					định. +Địa bàn xã: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa.
9	2.000615.0 00.00.00.H 61	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của thương nhân.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc quản lý nhà nước của. - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
III LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG						
10	2.000181.0	Cấp Giấy phép	Trong thời	Nộp hồ sơ trực tiếp	Phí thẩm định:	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	00.00.00.H 61	bán lẻ sản phẩm thuốc lá	hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	<i>* Doanh nghiệp, tổ chức:</i> + Địa bàn phường : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. +Địa bàn xã : 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. <i>* Hộ kinh doanh, cá nhân:</i> + Địa bàn phường : 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. +Địa bàn xã: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương. - Thông tư số 168/2016/TT-BTC, ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. - Nghị định số 139/2025/Nđ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 01 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
11	2.000162.000.00.00.H 61	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Phí thẩm định: * <i>Doanh nghiệp, tổ chức:</i> + Địa bàn phường : 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. + Địa bàn xã : 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 106/2017/Nđ-CP ngày 14/9/2017 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					định. * <i>Hộ kinh doanh, cá nhân:</i> + Địa bàn phường : 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. +Địa bàn xã: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương. - Nghị định số 139/2025/Nđ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 01 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
12	2.000150.000.00.00.H61	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung	Phí thẩm định: * <i>Doanh nghiệp, tổ chức:</i> + Địa bàn phường :	- Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			sơ hợp lệ	tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. +Địa bàn xã : 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. * Hộ kinh doanh, cá nhân: + Địa bàn phường : 400.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định. +Địa bàn xã: 200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định.	tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Nghị định số 106/2017/Nđ-CP ngày 14/9/2017 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương. - Nghị định số 139/2025/Nđ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						của chính quyền địa phương 01 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
III	LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NƯỚC ĐẦU TƯ QUẢN LÝ					
13	1.012568. H61	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý.	Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương xem xét, quyết định giao tài sản.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)	Không quy định	- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ. - Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính.
14	1.012569. H61	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ.	Trong thời hạn 75 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung	Không quy định	- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			sơ quy định - Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thực hiện việc thu hồi. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi	tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn)		- Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.			

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
A. CẤP TỈNH, CẤP XÃ						
I	LĨNH VỰC CỤM CÔNG NGHIỆP					
1	1.012427. H61	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	57 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
B. CẤP TỈNH						
I	LĨNH VỰC ĐIỆN					
1	1.013411. H61	Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Phí thẩm định: 800.000 đồng	+ Luật Điện lực ngày 30/11/2024; + Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực. + Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại. + Thông tư số 106/2020/TT-BTC ngày 08/12/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.
2	1.013412. H61	Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện	14 ngày từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính	Phí thẩm định: 19.200.000 đồng	+ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	lệ.	công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).		+ Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực; + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại. + Thông tư số 106/2020/TT-BTC ngày 08/12/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.
3	1.013416. H61	Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	14 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường	Phí thẩm định: 700.000 đồng	+ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024; + Nghị định số 61/2025/NĐ-CP; + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại + Thông tư số 106/2020/TT-BTC

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).		ngày 08/12/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực.
III LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ						
4	2.000229.000.00.00.H 61	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp,

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				ov.vn).		thương mại; - Thông tư số 23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
5	2.000210.000.00.00.H 61	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; - Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại; - Thông tư số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						23/2024/TT-BCT ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
III	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ CHỢ					
6	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ.	75 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét,	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ. - Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			quyết định thu hồi đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý. - Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.			
IV	LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ					

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
7	2.000255.000.00.00.H61	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
8	2.000370.000.00.00.H61	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
9	2.000362.000.00.00.H61	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
10	2.000351.00.00.00.H61	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
11	2.000340.000.00.00.H61	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
12	2.000330.000.00.00.H61	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
13	2.000272.000.00.00.H61	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
14	2.000361.000.00.00.H61	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	
15	1.000774.000.00.00.H61	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu	55 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		cầu kinh tế (ENT)	lễ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục ENT.	Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).		và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
16	2.000339.000.00.00.H61	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ		Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).		- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
17	2.000334.000.00.00.H	Điều chỉnh tăng diện tích	05 ngày làm việc, kể từ ngày	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	61	cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).		6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						thương mại.
18	2.000322.00.00.00.H61	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
19	2.002166.000.00.00.H61	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài,

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
20	2.000665.000.00.00.H61	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
21	1.001441.000.00.00.H61	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ:	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				https://dichvucong.gov.vn).		quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
22	2.000662.000.00.00.H61	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ	Không quy định	- Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005; - Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).		- Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
V	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG					
23	1.001304	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long (địa chỉ: Số 12C, Đường Hoàng	Không quy định	+ Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ + Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa		Thái Hiếu, Phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn).		quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại + Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển. + Thông tư số 19/2021/TT-BCT ngày 23/11/2021 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH VĨNH LONG
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định bãi bỏ thủ tục hành chính
I	LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ		
1	2.001283.0 00.00.00.H 61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.	Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
2	2.001270.0 00.00.00.H 61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.	Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
3	2.001261.0 00.00.00.H 61	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.	Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương..
II	LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC		
4	2.000633.0 00.00.00.H 61	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	- Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu - Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
5	1.001279.0 00.00.00.H 61	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

6	2.000629.0 00.00.00.H 61	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.	Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
7	2.000620.0 00.00.00.H 61	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.	Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
8	2.001240.0 00.00.00.H 61	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.	Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
9	2.000615.0 00.00.00.H 61	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu.	Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
III	LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG		
10	2.000181.0 00.00.00.H 61	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Nghị định số 139/2025/Nđ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 01 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
11	2.000162.0 00.00.00.H 61	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Nghị định số 139/2025/Nđ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 01 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
12	2.000150.0 00.00.00.H 61	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Nghị định số 139/2025/Nđ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 01 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
III	LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NƯỚC ĐẦU TƯ QUẢN LÝ		

13	1.012568. H61	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý.	- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ. - Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính.
14	1.012569. H61	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ.	- Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ. - Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Tài chính.
IV	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM		
15	2.000591.0 00.00.00.H 61	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
16	2.000535.0 00.00.00.H 61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương/ Sở An toàn thực phẩm/Ban Quản lý an toàn thực phẩm thực hiện	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

Phụ lục III
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

A. QUY TRÌNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG (MỖI BAN HÀNH)

I. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

1. Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	04 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

2. Thủ tục cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	04 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày

	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày
--	----------------------------------	--	----------------

II. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

3. Nhượng bán, xuất khẩu, tái xuất, thanh lý máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá, chế biến nguyên liệu thuốc lá

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	12 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		15 ngày

4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (Mã TTHC: 2.000591.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, thẩm định	Sở Công Thương	7,5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở		04 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công		03 ngày

Bước 5	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	
	Tổng thời gian giải quyết		15 ngày

5. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (Mã TTHC: 2.000535.000.00.00.H61)

5.1. Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, thẩm định	Sở Công Thương	1,5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở		0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công		0,5 ngày
Bước 5	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	
	Tổng thời gian giải quyết		03 ngày

5.2. Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, thẩm định	Sở Công Thương	1,5 ngày

Bước 3	Lãnh đạo phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở		0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công		0,5 ngày
Bước 5	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	
	Tổng thời gian giải quyết		03 ngày

5.3. Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: Trong thời hạn 03 ngày làm việc.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, thẩm định	Sở Công Thương	1,5 ngày
Bước 3	Lãnh đạo phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở		0,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công		0,5 ngày
Bước 5	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	
	Tổng thời gian giải quyết		03 ngày

5.4. Trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: Trong thời hạn 15 ngày làm việc.

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày

Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, thẩm định	Sở Công Thương	07 ngày
Bước 3	Lãnh đạo phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở		04 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công		03 ngày
Bước 5	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

III. LĨNH VỰC AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

6. Cấp chứng chỉ kiểm định viên

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày

7. Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày

Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

IV. LĨNH VỰC HÓA CHẤT

8. Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	18 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		21 ngày

9. Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

10. Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	18 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		21 ngày

11. Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	18 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		21 ngày

12. Cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2 và hóa chất Bảng 3

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày

Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

13. Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	18 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		21 ngày

14. Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày

Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

15. Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

16. Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

17. Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
------------------	--------------------	-----------------------------	---------------------------

Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			07 ngày

18. Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày

19. Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày

Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

20. Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

21. Cấp Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

22. Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	18 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		21 ngày

23. Cấp lại Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng 3

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

24. Cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoá chất Bảng 2, hoá chất Bảng

3

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp	Trung tâm	0,5 ngày

	nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	PVHCC tỉnh	
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	18 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		21 ngày

25. Cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	18 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		21 ngày

26. Cấp lại Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về		01 ngày

	Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

27. Cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	18 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		21 ngày

V. LĨNH VỰC CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM HÀNG HÓA

28. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	07 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		10 ngày

29. Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	07 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		10 ngày

30. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

VI. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**31. Thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ và trả biên nhận cho người nộp, chuyển	Trung tâm PVHCC tỉnh	01 ngày

	Sở Công Thương lưu (đối với trường hợp nộp trực tiếp)		
	Tổng thời gian giải quyết		01 ngày

32. Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	12 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		15 ngày

33. Thông báo website thương mại điện tử bán hàng

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ và trả biên nhận cho người nộp, chuyển Sở Công Thương lưu (đối với trường hợp nộp trực tiếp)	Trung tâm PVHCC tỉnh	01 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		01 ngày

VII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ BÁN HÀNG ĐA CẤP

34. Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	07 ngày

Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		10 ngày

35. Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	27 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		30 ngày

36. Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	12 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		15 ngày

VIII. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

37. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu

LPG

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	12 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		15 ngày

38. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

39. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG

Thứ tự công	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công	Thời gian (ngày
-------------	--------------------	------------------------	-----------------

việc		việc	làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			07 ngày

40. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	12 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			15 ngày

41. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh	Sở Công Thương	05 ngày

	đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở		
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

42. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

43. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	12 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục	Trung tâm	0,5 ngày

	hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	PVHCC tỉnh	
	Tổng thời gian giải quyết		15 ngày

44. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

45. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

IX. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

46. Cấp Giấy phép phân phối rượu

Thứ tự	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian
--------	--------------------	-------------	-----------

công việc		xử lý công việc	(ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

47. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

48. Cấp lại Giấy phép phân phối rượu

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày

	đạo Sở		
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

X. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

49. Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

50. Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày

	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày
--	----------------------------------	--	----------------

XI. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA THƯƠNG NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

51. Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

52. Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

53. Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

54. Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

55. Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày

Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày

XII. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

56. Thủ tục cấp phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	07 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			10 ngày

57. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	27 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về		02 ngày

	Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		30 ngày

58. Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	12 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		15 ngày

59. Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	27 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày

	Tổng thời gian giải quyết		30 ngày
--	----------------------------------	--	----------------

60. Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	14 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		17 ngày

61. Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

62. Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
-------------------------	---------------------------	------------------------------------	----------------------------------

Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày

63. Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày

64. Thủ tục Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày

Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

65. Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	11 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		14 ngày

66. Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

67. Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	05 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

68. Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

69. Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật

Thứ tự công	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công	Thời gian (ngày
-------------	--------------------	------------------------	-----------------

việc		việc	làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

XIII. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG

70. Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	12 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		15 ngày

71. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày

Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	04 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			07 ngày

72. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, thu phí, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận xem xét xử lý hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	04 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ, chuyển hồ sơ về Trung tâm Phục vụ hành chính công (PVHCC)		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			07 ngày

B. CẤP XÃ

I. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Mã TTHc: 2.001283.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) thu phí và chuyển phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xử lý	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ	UBND cấp xã	12 ngày

	tầng và Đô thị tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định và trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo UBND cấp xã		
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		15 ngày

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) chai (Mã TTHC: 2.001270.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) thu phí và chuyển phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xử lý	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định và trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo UBND cấp xã	UBND cấp xã	04 ngày
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

3. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) chai (Mã TTHC: 2.001261.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) thu phí và chuyển phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xử lý	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định và trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo UBND cấp xã	UBND cấp xã	04 ngày

	tầng và Đô thị tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định và trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo UBND cấp xã		
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

II. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

4. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mã TTHC: 2.000633.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) thu phí và chuyển phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xử lý	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định và trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo UBND cấp xã	UBND cấp xã	07 ngày
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		10 ngày

5. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mã TTH C: 1.001279.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) thu phí và chuyển phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xử lý	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày

Bước 2	Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định và trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo UBND cấp xã	UBND cấp xã	04 ngày
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

6. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mã TTHC: 2.000629.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) thu phí và chuyển phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xử lý	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định và trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo UBND cấp xã	UBND cấp xã	04 ngày
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

7. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu (Mã TTHC: 2.000620.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) thu phí và chuyển phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xử lý	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày

Bước 2	Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định và trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo UBND cấp xã	UBND cấp xã	07 ngày
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		10 ngày

8. Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu (mã TTHC: 2.001240.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) thu phí và chuyển phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xử lý	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định và trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo UBND cấp xã	UBND cấp xã	04 ngày
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

9. Cấp sửa đổi bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm rượu (mã TTHC: 2.000615.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) thu phí và chuyển phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xử lý	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày

Bước 2	Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định và trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo UBND cấp xã	UBND cấp xã	04 ngày
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		07 ngày

III. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG

10. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (mã TTHC: 2.000181.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) thu phí và chuyển phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xử lý	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định và trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo UBND cấp xã	UBND cấp xã	12 ngày
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		15 ngày

11. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Mã THC: 2.000162.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) thu phí và chuyển phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xử lý	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày

Bước 2	Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định và trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo UBND cấp xã	UBND cấp xã	09 ngày
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		12 ngày

12 Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (mã TTHC: 2.000150.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) thu phí và chuyển phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xử lý	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, xem xét thẩm định và trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo UBND cấp xã	UBND cấp xã	09 ngày
Bước 3	Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt hồ sơ		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		12 ngày

III. LĨNH VỰC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NƯỚC ĐẦU TƯ QUẢN LÝ

13. Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý (Mã TTHC: 1.012568.H61)

Thứ tự công việc (Bước)	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
-------------------------	--------------------	-----------------------------	------------------

1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xử lý	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
2	Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hồ sơ và trình lãnh đạo phòng kiểm tra trình lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, quyết định giao tài sản	Ủy ban nhân dân cấp xã	56 ngày
3	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã ký Quyết định giao tài sản		03 ngày
4	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			60

14. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ (Mã TTHC: 1.012569.H61)

Thứ tự công việc (Bước)	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị xử lý	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
2	Chuyên viên phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hồ sơ và trình lãnh đạo phòng kiểm tra trình lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Ủy ban nhân dân cấp xã	70 ngày
3	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã ký Quyết định giao tài sản		04 ngày
4	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC cấp xã	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			75 ngày

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

CẤP TỈNH, CẤP XÃ

I. LĨNH VỰC CỤM CÔNG NGHIỆP

1. Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp

1.1. Trường hợp đối với hồ sơ nhận được văn bản đầu tiên của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Thứ tự công việc (Bước)	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
1.	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị để xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày
2.	Chuyên viên Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND cấp xã	19 ngày
3.	Lãnh đạo Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị kiểm tra hồ sơ và trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt văn bản gửi Sở Công Thương thẩm định		03 ngày
4.	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, ký duyệt văn bản và gửi Sở Công Thương thẩm định		02 ngày
5.	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hồ sơ gửi thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Công Thương	20 ngày
6.	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghiệp xem xét xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở ký duyệt Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp		03 ngày
7.	Lãnh đạo Sở ký duyệt Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp, chuyển Văn phòng UBND tỉnh xử lý		02 ngày
8.	Chuyên viên Phòng Kinh tế - Ngoại vụ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và trình Lãnh đạo phòng hồ sơ của Sở Công Thương	UBND tỉnh	04 ngày
9.	Lãnh đạo Phòng Kinh tế ngoại vụ kiểm tra hồ sơ và trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh xem xét		1,5 ngày
10.	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp, lưu trữ hồ sơ điện tử và chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã		1,5 ngày

Thứ tự công việc (Bước)	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
11.	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			57 ngày

1.2. Trường hợp đối với hồ sơ nhận sau khi UBND cấp xã có trách nhiệm thông báo rộng rãi việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập/mở rộng cụm công nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương

Thứ tự công việc (Bước)	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
1.	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị để xử lý	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày
2.	Chuyên viên Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tiếp nhận, xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	UBND cấp xã	14 ngày
3.	Lãnh đạo Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị kiểm tra hồ sơ và trình Lãnh đạo UBND cấp xã ký duyệt văn bản gửi Sở Công Thương thẩm định		03 ngày
4.	Lãnh đạo UBND cấp xã xem xét, ký duyệt văn bản và gửi Sở Công Thương thẩm định		02 ngày
5.	Chuyên viên Phòng Quản lý công nghiệp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hồ sơ gửi thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Công Thương	20 ngày
6.	Lãnh đạo phòng Quản lý Công nghiệp xem xét xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở ký duyệt Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp		03 ngày
7.	Lãnh đạo Sở ký duyệt Ủy ban nhân dân cấp tỉnh việc thành lập/mở rộng cụm công nghiệp, chuyển Văn phòng UBND tỉnh xử lý		02 ngày
8.	Chuyên viên Phòng Kinh tế - Ngoại vụ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và trình Lãnh đạo phòng hồ sơ của Sở Công Thương	UBND tỉnh	04 ngày
9.	Lãnh đạo Phòng Kinh tế ngoại vụ kiểm tra hồ sơ và trình Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh xem xét		1,5 ngày
10.	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh trình Lãnh đạo UBND tỉnh ký Quyết định thành lập/mở rộng cụm công nghiệp, lưu trữ hồ sơ điện tử và chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ		1,5 ngày

Thứ tự công việc (Bước)	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
	hành chính công cấp xã		
11.	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			52 ngày

CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC ĐIỆN

1. Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013411.H61)

Thứ tự công việc (Bước)	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
1.	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5
2.	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp và Năng lượng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và thực hiện thẩm định	Sở Công Thương	9,5
3.	Lãnh đạo Phòng Quản lý Công nghiệp và Năng lượng xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở		02
4.	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công		02
5.	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
Tổng thời gian giải quyết			14 ngày

2. Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013412.H61)

Thứ tự công việc (Bước)	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
1.	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5
2.	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp và Năng lượng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và thực hiện thẩm định	Sở Công Thương	9,5

3.	Lãnh đạo Phòng Quản lý Công nghiệp và Năng lượng xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở		02
4.	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công		02
5.	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
Tổng thời gian giải quyết			14 ngày

3. Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.013416.H61)

Thứ tự công việc (Bước)	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
1.	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5
2.	Chuyên viên Phòng Quản lý Công nghiệp và Năng lượng tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và thực hiện thẩm định	Sở Công Thương	9,5
3.	Lãnh đạo Phòng Quản lý Công nghiệp và Năng lượng xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở		02
4.	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử và chuyển kết quả về Trung tâm Phục vụ hành chính công		02
5.	Công chức trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
Tổng thời gian giải quyết			14 ngày

IV. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

4. Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (Mã TTHC: 2.000229.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày

Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, thông qua Lãnh đạo phòng trình Lãnh đạo Sở ký duyệt thông báo kế hoạch huấn luyện, kiểm tra và tổ chức huấn luyện, kiểm tra, Lãnh đạo phòng xem xét trình lãnh đạo Sở cấp Giấy chứng nhận	Sở Công Thương	17 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			20 ngày

5. Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương (Mã TTHC: 2.000210.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	01 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			03 ngày

V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ CHỢ

6. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ

Thứ tự công việc (Bước)	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
1.	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5

2.	Chuyên viên Phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hồ sơ, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Sở Công Thương	37
3.	Lãnh đạo phòng Quản lý Thương mại xem xét xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở ký duyệt trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ chuyển Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý		05
4.	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ		03
5.	Chuyên viên Phòng Kinh tế - Ngoại vụ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra và trình Lãnh đạo phòng hồ sơ của Sở Công Thương	Ủy ban nhân dân tỉnh	20,5
6.	Lãnh đạo Phòng Kinh tế - Ngoại vụ kiểm tra hồ sơ và trình Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét		05
7.	Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ		04
8.	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công	
Tổng thời gian giải quyết			75

VI. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

7. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (Mã TTHC: 2.000255.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Công chức tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, thông qua lãnh đạo phòng trình lãnh đạo Sở xin ý kiến Bộ Công Thương, sau khi có ý kiến của bộ Công thương trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	Sở Công Thương	07 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương ký duyệt hồ		02 ngày

	sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		10 ngày

8. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn (Mã TTHC: 2.000370.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Công chức tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, thông qua lãnh đạo phòng trình lãnh đạo Sở xin ý kiến Bộ Công Thương, sau khi có ý kiến của bộ Công thương trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	Sở Công Thương	25 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		28 ngày

9. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí (Mã TTHC: 2.000362.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Công chức tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, thông qua lãnh đạo phòng trình lãnh đạo Sở xin ý kiến Bộ Công Thương, sau khi có ý kiến của bộ Công thương trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	Sở Công Thương	25 ngày

Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			28 ngày

10. Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP (Mã TTHC: 2.000351.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Công chức tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, thông qua lãnh đạo phòng trình lãnh đạo Sở xin ý kiến Bộ Công Thương, sau khi có ý kiến của bộ Công thương trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	Sở Công Thương	25 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			28 ngày

11. Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Mã TTHC: 2.000340.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày

Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			05 ngày

12. Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Mã TTHC: 2.000330.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Công chức tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, thông qua lãnh đạo phòng trình lãnh đạo Sở xin ý kiến Bộ Công Thương, sau khi có ý kiến của bộ Công thương trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	Sở Công Thương	25 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết			25 ngày

13. Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP (Mã TTHC: 2.000272.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Công chức tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, thông qua lãnh đạo phòng trình lãnh đạo Sở xin ý kiến Bộ Công Thương, sau khi có ý kiến của bộ Công thương trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	Sở Công Thương	17 ngày

Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		20 ngày

14. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (Mã TTHC: 2.000361.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Công chức tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, thông qua lãnh đạo phòng trình lãnh đạo Sở xin ý kiến Bộ Công Thương, sau khi có ý kiến của bộ Công thương trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	Sở Công Thương	17 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		20 ngày

15. Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) (Mã TTHC: 1.000774.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, trình lãnh đạo phòng xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	04 ngày

Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương ký duyệt trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng		01 ngày
Bước 4	Chuyên viên Phòng chuyên môn xử lý hồ sơ	UBND tỉnh	03 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Phòng chuyên môn kiểm tra hồ sơ trước khi trình lãnh đạo Văn phòng		03 ngày
Bước 6	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh ký duyệt		02 ngày
Bước 7	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh, trình lãnh đạo phòng xem xét trình lãnh đạo Sở xin ý kiến Bộ Công Thương	Sở Công Thương	38 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Sở ký duyệt ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		03 ngày
Bước 9	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		55 ngày

16. Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mã TTHC: 2.000339.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

17. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m² (Mã TTHC: 2.000334.000.00.00.H61)

Thứ tự công	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công	Thời gian (ngày
-------------	--------------------	------------------------	-----------------

việc		việc	làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

18. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong Trung tâm thương mại (Mã TTHC: 2.000322.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Công chức tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, thông qua lãnh đạo phòng trình lãnh đạo Sở xin ý kiến Bộ Công Thương, sau khi có ý kiến của bộ Công thương trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	Sở Công Thương	17 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		20 ngày

19. Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini (Mã TTHC: 2.002166.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày

	Thương xử lý		
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, trình lãnh đạo phòng xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	04 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương ký duyệt trình UBND tỉnh thành lập Hội đồng		01 ngày
Bước 4	Chuyên viên Phòng chuyên môn xử lý hồ sơ	UBND tỉnh	03 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Phòng chuyên môn kiểm tra hồ sơ trước khi trình lãnh đạo Văn phòng		03 ngày
Bước 6	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh ký duyệt		02 ngày
Bước 7	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận hồ sơ của UBND tỉnh, trình lãnh đạo phòng xem xét trình lãnh đạo Sở xin ý kiến Bộ Công Thương	Sở Công Thương	38 ngày
Bước 8	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		03 ngày
Bước 9	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		55 ngày

20. Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mã TTHC: 2.000665.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

21. Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mã TTHC: 1.001441.000.00.00.H61)

Thứ tự	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian
--------	--------------------	-------------	-----------

công việc		xử lý công việc	(ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	03 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		01 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		05 ngày

22. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động (Mã TTHC: 2.000662.000.00.00.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Công chức tại Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Thương mại xử lý hồ sơ kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, thông qua lãnh đạo phòng trình lãnh đạo Sở xin ý kiến Bộ Công Thương, sau khi có ý kiến của bộ Công thương trình Lãnh đạo Sở ký duyệt	Sở Công Thương	49 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		02 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		52 ngày

VII. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NẶNG

23. Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa (Mã TTHC: 1.001304)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
-------------------------	---------------------------	------------------------------------	----------------------------------

Bước 1	Công chức tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận hồ sơ, quét (scan), chuyển Sở Công Thương xử lý	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, thẩm định, trình lãnh đạo phòng kiểm tra, xem xét trình lãnh đạo Sở	Sở Công Thương	26 ngày
Bước 3	Lãnh đạo Sở ký duyệt hồ sơ, chuyển kết quả về Trung tâm PVHCC		03 ngày
Bước 4	Công chức trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5 ngày
	Tổng thời gian giải quyết		30 ngày